

Bản án số: 12/2020/DS-ST

Ngày 16/9/2020

“V/v Tranh chấp về hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đông Phong.

2. Bà Nguyễn Thị Như Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà YHLam - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2020/TLST-DS ngày 03/3/2020 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2020/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1951; Địa chỉ: thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

2. ***Bị đơn:*** Ông Trần Thanh T, sinh năm: 1950 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm: 1957; Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2020 và bản tự khai ngày 03/3/2020, bà Nguyễn Thị S trình bày: Vào ngày 10/4/2018 (âm lịch) ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị A có mượn bà S số tiền là 161.600.000đồng, có viết giấy mượn tiền và giữa các bên thỏa thuận bằng miệng thời hạn trả nợ là 02 tháng, nhưng đến nay ông T và bà A chưa trả số tiền trên cho bà S. Nay bà Sang yêu cầu Tòa án buộc ông T và bà A phải trả số tiền 161.600.000đồng, bà S không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập ông T và bà A tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng ông T và bà A không đến Tòa án tham gia tố tụng nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: 01 Bản sao Giấy chứng minh nhân dân, 01 bản sao Sổ hộ khẩu mang tên bà S; 01 Giấy mượn tiền ngày 10/4/2018 và 01 Bản tự khai.

Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập, xác minh: 01 biên bản xác minh ngày 05/3/2020.

Tại phiên tòa ý kiến của Kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị S. Buộc ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị A phải liên đới trả cho bà S số tiền là 161.600.000đồng.

Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị S có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết buộc ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị A phải trả toàn bộ khoản nợ vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị A tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng ông T và bà A không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó Tòa án tiến hành theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét về nội dung vụ án: Qua lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa và các chứng cứ do các đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận vào ngày 10/4/2018 (âm lịch) ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị A có mượn bà S số tiền là 161.600.000đồng, có viết giấy mượn tiền và giữa các bên thỏa thuận bằng miệng thời hạn trả nợ là 02 tháng, nhưng đến nay ông T và bà A chưa trả số tiền trên cho bà S. Nay bà S yêu cầu Tòa án buộc ông T và bà A phải trả số tiền 161.600.000đồng, bà S không yêu cầu tính lãi.

Xét về hợp đồng vay tài sản giữa các bên là hợp đồng bằng văn bản có chữ ký của ông T và bà A, giữa các bên thỏa thuận bằng miệng thời hạn trả nợ 02 tháng nhưng khi đến hạn trả nợ ông T và bà A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà S là vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng như đã thỏa thuận, là vi phạm Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Do đó việc bà S yêu cầu Tòa án buộc ông T và bà A phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 161.600.000đồng là đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà S không có yêu cầu Tòa án tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét để giải quyết.

[3] Xét về quan hệ gia đình giữa ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị A là vợ chồng và cả hai cùng ký tên vào giấy mượn tiền. Mục đích của việc mượn tiền là phục vụ cho lợi ích chung. Do đó, cần phải buộc ông T và bà A có nghĩa vụ liên đới để thực hiện nghĩa vụ trả nợ chung.

Từ những nhận định trên buộc ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị A phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị S toàn bộ số nợ gốc là 161.600.000đồng.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S.

Buộc ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị A phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị S toàn bộ số tiền nợ gốc là 161.600.000đồng (một trăm sáu mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất được xác định theo sự thỏa thuận giữa các bên nhưng không được vượt quá lãi suất giới hạn theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015. Nếu không có sự thỏa thuận thì mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, tại thời điểm thanh toán.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị S không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.040.000 đồng (bốn triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0006858 ngày 03/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Buộc ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị A phải liên đới nộp 8.080.000đồng (tám triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 16/9/2020. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Ngọc Bình